ỦY BAN NHÂN DÂN
PHƯỜNG LƯƠNG VĂN TRI

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

DANH SÁCH
CÔNG NHẬN NGƯỜI CÓ UY TÍN TRONG ĐỒNG BÀO DÂN TỘC THIỂU SỐ TRÊN ĐỊA BÀN PHƯỜNG LƯƠNG VĂN TRI, TỈNH LẠNG SƠN

(Kèm theo Quyết định số 887/QĐ-UBND ngày 19/10/2026 của UBND phường Lương Văn Tri)

TT	Họ và tên NCUT	Tổng số NCUT	Năm sinh		Dân tộc	Nơi cư trú	Trình độ văn hóa, chuyên môn	Thành phần người có uy tín											Ghi chú
			Nam	Nữ				Già làng	Trưởng dòng họ, Trưởng tộc	Trưởng thôn và tương đương	Cán bộ hưu trí	Bí thư chi bộ	Chức sắc, chức việc tôn giáo	Thầy mo, thầy cúng	Nhân sĩ, trí thức	Doanh nhân, Người sản xuất giỏi	Thành phần khác	Đảng viên	
1	*2*	*3=4+5*	*4*	*5*	*6*	*7*	*8*	*9*	*10*	*11*	*12*	*13*	*15*	*16*	*17*	*18*	*19*	*20*	*21*
	Tổng cộng:	**19**	**17**	**2**				**0**	**0**	**0**	**13**	**1**	**0**	**0**	**0**	**0**	**5**	**13**	
1	Vy Văn Thanh		1974		Nùng	Khối Quảng Tiến (khối Quảng Tiến 1 cũ)	8/12										x		0375.537.562
2	Nguyễn Thị Nguyên			1969	Tày	Khối Quảng Tiến (khối Quảng Tiến 2)	8/10 sơ cấp					x						x	0379.188.994
3	Vi Văn Chầu		1953		Nùng	Khối Đoàn Kết (khối Quảng Liên 1 cũ)	7/10										x		0942852590
4	Nông Văn Teng		1957		Nùng	Khối Đoàn Kết (khối Quảng Liên 2 cũ)	5/10										x		0332.057.741
5	Lộc Văn Đại		1949		Nùng	Khối Đoàn Kết (khối Quảng Liên 3 cũ)	10/10				x								0369.453.627
6	Lâm Qúy Hai		1955		Nùng	Khối Quảng Hồng (khối Quảng Trung 1)	10/10, Trung cấp				x							x	0866.818.812
7	Chu Đức Phương		1976		Tày	Khối Đoàn Kết (khối Quảng Trung 2 cũ)	12/12 Đại học				x							x	0912.338.166
8	Hoàng Thị Thanh			1955	Nùng	Khối Đoàn Kết (khối Quảng Trung 3 cũ)	7/10										x		0345.666.019
9	Hoàng Văn Y		1955		Tày	khối Quảng Hồng	7/10										x	x	0344.563.929
10	Hoàng Văn Ca		1952		Tày	khối Trần Quang Khải 2	7/10				x							x	0969.420.351
11	Hoàng Công Quá		1957		Tày	khối Trần Quang Khải 1	10/10 Đại học				x							x	\0983.579.388

TT	Họ và tên NCUT	Tổng số NCUT	Năm sinh		Dân tộc	Nơi cư trú	Trình độ văn hóa, chuyên môn	Thành phần người có uy tín											Ghi chú
			Nam	Nữ				Già làng	Trưởng dòng họ, Trưởng tộc	Trưởng thôn và tương đương	Cán bộ hưu trí	Bí thư chi bộ	Chức sắc, chức việc tôn giáo	Thầy mo, thầy cúng	Nhân sĩ, trí thức	Doanh nhân, Người sản xuất giỏi	Thành phần khác	Đảng viên	
1	*2*	*3=4+5*	*4*	*5*	*6*	*7*	*8*	*9*	*10*	*11*	*12*	*13*	*15*	*16*	*17*	*18*	*19*	*20*	*21*
12	Phí Văn Bình		1952		Kinh	Khối Đèo Giang (khối Trần Thánh Tông cũ)	9/10 trung cấp				x							x	986738951
13	Nguyễn Anh Dũng		1954		Kinh	khối Đèo Giang	10/10 Đại học				x							x	0983395269
14	Nguyễn Đình Thung		1946		Kinh	khối Cửa Bắc	10/10 Trung cấp				x								0862515199
15	Lâm Thanh Hiền		1953		Nùng	Khối Cửa Bắc (khối Cửa Đông)	10/10 Đại học				x							x	0913.298.530
16	Nông Văn Nình		1951		Kinh	Khối Thống Nhất (khối Cửa Nam cũ)	10/10 Đại học				x							x	0913.396671
17	Liễu Xuân Đạt		1949		Tày	Khối Thống Nhất (khối Văn Miếu)	9/10 Trung cấp				x							x	0359.822.361
18	Nông Quốc Toán		1949		Tày	khối Hoàng Hoa Thám	10/10 Đại học				x							x	0919.971.549
19	Hà Văn Dinh		1958		Nùng	khối Đại Thắng	10/10 Đại học				x							x	0912.192.232